

Bản án số: 682/2017/HSPT
Ngày: 26/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Hồng Sơn
- *Các Thẩm phán:*

1. Ông Phan Thanh Nguyễn
2. Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Trung Hiếu - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Tuấn - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 629/2017/HSPT ngày 02/11/2017 đối với các bị cáo Trần Kiến B, Đỗ Chánh N, Từ Thanh P do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2017/HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Trần Kiến B, giới tính: Nam, sinh năm: 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: A1, ấp B1, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm công; trình độ văn hóa: 09/12; Con ông Trần H (đã chết) và bà Mạch T (sinh năm 1937); Có vợ là Lê Thị Kim L (sinh năm 1977) và có 03 con là Trần Gia K (sinh năm 1999), Trần Gia B (sinh năm 2005) và Trần Bội V (sinh năm 2008); tiền sự: không; tiền án: không. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Đỗ Chánh N, giới tính: Nam, sinh năm: 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: A2 đường TTV, Phường C1, Quận G7, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Nhà không số, ấp B2, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm công; trình độ văn hóa: 04/12; Con ông Đỗ Tô H (sinh năm 1958) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1963); Có vợ là Nguyễn Thị P (sinh năm 1994) và có 03 con là Đỗ Thiên P (sinh năm 2011), Đỗ Chánh H (sinh năm

2015) và Đỗ Thị Ngọc H (mới sinh ngày 26/10/2017); tiền sự: không; tiền án: không. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Từ Thanh P, giới tính: Nam, sinh năm: 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: A3 đường HT, Phường C2, Quận G7, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm công; trình độ văn hóa: 0/12; con ông Từ T (sinh năm 1947) và bà Huỳnh Thị V (sinh năm 1949); Có vợ là Lê Thị Thanh T (sinh năm 1974) và 04 con là Từ Thanh H (sinh năm 1994), Từ Thanh T (sinh năm 1995), Từ Thanh V (sinh năm 1999) và Từ Gia K (sinh năm 2007); tiền sự: không; tiền án: không. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

- Nguyên đơn dân sự Công ty Trách nhiệm hữu hạn TLVN và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị P không liên quan đến việc kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không triệu tập tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN THẤY

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Kiến B là nhân viên tiếp thị của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TLVN (gọi tắt là Công ty TL) - Chi nhánh tại ấp B2, xã DHD, huyện ĐH, tỉnh LA. Do bị Công ty TL chấm dứt hợp đồng lao động, nên B bức xúc nảy sinh ý định trả thù Công ty bằng cách chiếm đoạt tài sản của Công ty bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định, ngày 15/12/2016, B đến nhà Đỗ Chánh N kể lại sự việc, đồng thời rủ N chiếm đoạt tài sản của Công ty TL bằng cách gọi điện thoại đặt hàng rồi yêu cầu Công ty giao hàng tại 02 địa điểm khác nhau, khi nhận hàng tại địa điểm đầu tiên sẽ đem hàng đi tiêu thụ lấy tiền chia nhau tiêu xài. Sau khi N đồng ý, B chỉ dẫn cho N cách thức đặt hàng, số điện thoại liên hệ, chủng loại, giá cả hàng hóa cần phải đặt.

Khoảng 10 giờ ngày 21/12/2016, N điện thoại liên hệ với Công ty TL, tự xưng tên là L đặt mua 80 thùng tô và nắp xốp hiệu PIO PIO (mỗi thùng 500 cái), giá 900 đồng/cái (tổng trị giá lô hàng là 36.000.000 đồng) và yêu cầu giao hàng tại số 114 đường Bãi Sậy, Quận 6. Sau khi đặt hàng xong thì N điện thoại nói cho B biết. Đến chiều cùng ngày, nhân viên Công ty TL điện thoại báo cho N biết khoảng 09 giờ ngày 22/12/2016 sẽ giao hàng. N liền điện thoại kêu Từ Thanh P phụ N bốc xếp hàng, xong N sẽ cho P nhiều tiền, P đồng ý và điện thoại rủ thêm ông Lê Thanh P1 cùng đi bốc xếp hàng.

Khoảng 09 giờ ngày 22/12/2016, P và P1 ra đường Bãi Sậy gặp N, nhưng do đường Bãi Sậy bị kẹt xe nên N điện thoại kêu tài xế xe tải của Công ty TL là ông Trương Vỹ H1 và phụ xe là ông Phòng AT xuống hàng tại trước nhà số 89 Phan Văn Khỏe, Phường 2, Quận 6.

Đến 09 giờ 50 phút cùng ngày, ông Trương Vũ H1 chở 80 thùng tô và nắp xốp hiệu PIO PIO đến điểm hẹn. Tại đây, N kêu ông H1 xuống trước 50 thùng hàng, 30 thùng hàng còn lại N yêu cầu ông H1 chở qua địa chỉ số 912 đường Tạ Quang Bửu, Quận 8, xong N sẽ trả hết tiền đơn hàng. Khi ông H1 chở hàng đi, N kêu P1 và P thuê 02 xe ba gác của các ông Khuru Thanh H2, Khuru T bốc 50 thùng hàng đem qua bãi đất trống tại trước số 165 Bến Bình Đông, Phường 11, Quận 8. Sau đó, N đưa cho P 1.000.000 đồng để trả tiền bốc xếp cho các ông P1, H2 và T. Tại địa chỉ 165 Bến Bình Đông, N điện thoại kêu B ra xem hàng. Khi ra đến nơi, B điện thoại cho ông Lê Văn H chào bán 50 thùng tô và nắp xốp hiệu PIO PIO (ông H trước đây là khách hàng của Công ty TL nên B biết) và ông H đồng ý mua với giá 18.000.000 đồng. Đến lúc này, P biết 50 thùng tô và nắp xốp hiệu PIO PIO mà B chào bán là do B, N chiếm đoạt của Công ty TL nhưng vì N hứa trả nhiều tiền nên P đồng ý tiếp tục tham gia. Sau đó, N thuê 01 chiếc xe tải để P bốc 50 thùng hàng chở qua địa chỉ 24 đường Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8 bán cho ông H. Do ông H không có ở nhà nên N giao 50 thùng hàng cho bà Lê Thị T (em ruột của ông H) và sau khi nhận 18.000.000 đồng từ bà T, N và P qua quán cà phê trên đường Phạm Thế Hiển gặp B. Tại đây, N chia cho B 4.000.000 đồng, chia cho P 6.000.000 đồng, còn 8.000.000 đồng N giữ lại để tiêu xài.

Về phần các ông Trương Vũ H1, Phòng AT chở hàng đến số 912 đường Tạ Quang Bửu, Quận 8 để giao theo yêu cầu của N, nhưng không có ai nhận nên ông H điện thoại báo cho Công ty biết, đồng thời quay lại số 89 đường Phan Văn Khỏe, Phường 2, Quận 6 thì không thấy 50 thùng hàng đã giao trước đó, nên đến Công an Phường 2, Quận 6 trình báo sự việc.

Qua truy xét, tối ngày 22/12/2016 Công an Phường 2, Quận 6 triệu tập Trầm Kiến B, Đỗ Chánh N, Từ Thanh P đến trụ sở Công an phường làm việc. Qua đấu tranh, B, N và P đều khai nhận hành vi chiếm đoạt 50 thùng tô và nắp xốp hiệu PIO PIO của Công ty TL như nêu trên, đồng thời chỉ nơi tiêu thụ tài sản chiếm đoạt. Sau khi thu giữ 50 thùng tô và nắp xốp hiệu PIO PIO, Công an Phường 2, Quận 6 đã chuyển giao cho Cơ quan điều tra Công an Quận 6 giải quyết.

Tại Văn bản số: 1118/TCKH ngày 23 tháng 6 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6 thống nhất giá như sau: 50 thùng hàng hiệu PIO PIO gồm tô xốp EPS và nắp xốp PS, màu trắng, tình trạng còn 100%, có giá trị là: 22.500.000 đồng.

Đối với ông Lê Văn H, là người có hành vi mua 50 thùng tô và nắp xốp hiệu PIO PIO từ Trầm Kiến B, nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Còn các ông, bà Lê Thị T, Lê Thanh P1, Khuru Thanh H2, Khuru T, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo Trầm Kiến B, Đỗ Chánh N nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

* Tại Cáo trạng số 89/CTr-VKS ngày 31 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trầm Kiến B, Đỗ Chánh N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Từ Thanh P về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2017/HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Trầm Kiến B, Đỗ Chánh N phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Tuyên bố bị cáo Từ Thanh P phạm tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 139; điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Trầm Kiến B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 139; điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 47 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Đỗ Chánh N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Từ Thanh P 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2017 bị cáo Trầm Kiến B làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo.

Ngày 25/9/2017 bị cáo Đỗ Chánh N làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo, với lý do: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại (nguyên đơn dân sự); Đã khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo và vợ bị cáo mới sinh con nhỏ ngày 26/10/2017 và bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Ngày 27/9/2017, bị cáo Từ Thanh P làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do: Bị cáo phải nuôi 04 người con và 01 mẹ già, vợ bị đau yếu bệnh tật, hiện đang chạy xe ôm kiếm sống cho gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đỗ Chánh N và Từ Thanh P thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo. Bị cáo Trầm Kiến B thừa nhận hành vi phạm

tội như nội dung của bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi xem xét tất cả lời khai, tình tiết trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội và mức án phù hợp với tính chất cũng như mức độ của hậu quả đã xảy ra. Từ đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo và y án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và của bị cáo.

XÉT THẤY

Ngày 22/9/2017 Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm, đến ngày 25/9/2017 bị cáo Đỗ Chánh N làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo, ngày 27/9/2017 bị cáo Từ Thanh P làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và ngày 02/10/2017 bị cáo Trầm Kiến B làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Căn cứ vào các lời khai của các bị cáo, của nguyên đơn dân sự, các người liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo Trầm Kiến B, Đỗ Chánh N đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH TL bằng cách bị cáo N giả một người tên L gọi điện thoại cho Công ty TL đặt mua 80 thùng tô và nắp xốp hiệu PIO PIO (mỗi thùng 500 cái) rồi cố tình yêu cầu Công ty TL giao hàng tại hai địa điểm khác nhau để khi nhận hàng tại địa điểm đầu tiên các bị cáo sẽ chiếm đoạt hàng đem đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Theo kế hoạch, sau khi tài xế của Công ty TL xuống 50 thùng hàng hiệu PIO PIO tại trước nhà số 89 Phan Văn Khỏe, Phường 2, Quận 6 và trên đường đi giao 30 thùng hàng còn lại tại địa chỉ 912 đường Tạ Quang Bửu, Quận 8 theo yêu cầu của bị cáo N, thì các bị cáo đã chiếm đoạt 50 thùng hàng hiệu PIO PIO gồm tô xốp EPS và nắp xốp PS màu trắng, trị giá 22.500.000 đồng đem bán. Hành vi của các bị cáo Trầm Kiến B và Đỗ Chánh N đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, song cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo B, N thuộc trường hợp “Phạm tội có tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là chưa chính xác vì bị cáo Trầm Kiến B là người chủ động rủ rê, chỉ cách thức chiếm đoạt tài sản cho N, cũng như cách thức tiêu thụ, bị cáo N là người thực hiện độc lập theo chỉ dẫn của B, hành vi của giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ và các bị cáo phạm tội là đồng phạm giản đơn. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm và áp dụng khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 như Cáo trạng mà Viện kiểm sát

nhân dân Quận 6 truy tố để xét xử các bị cáo Trầm Kiến B và Đỗ Chánh N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng người, đúng tội và đúng với tình chất đồng phạm của các bị cáo. Đối với bị cáo Từ Thanh P, tuy bị cáo P không hứa hẹn trước nhưng đã tiêu thụ tài sản mà bị cáo biết rõ đó là tài sản do các bị cáo Trầm Kiến B, Đỗ Chánh N phạm tội mà có nên cấp sơ thẩm đã tuyên bị cáo phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” là đúng người, đúng tội.

Về mức hình phạt đã tuyên đối với các bị cáo, cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm b, p khoản 1 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự để xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo đã thật thà khai báo, thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải; Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; Bị cáo Trầm Kiến B phạm tội lần đầu, bản thân chưa có tiền án, tiền sự ; Bị cáo Từ Thanh P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm có thiếu sót khi không áp dụng tình tiết phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn vì tài sản các bị cáo B, N chiếm đoạt đã được giao trả cho chủ sở hữu quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, đồng thời như nhận định trên thì Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và không cần thiết phải áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo B và N.

Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và hành vi phạm tội của của các bị cáo B, N về khung hình phạt thuộc khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và các bị cáo B, N đều có thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử xét thấy các mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo như đã nêu trên là quá nghiêm khắc và cần phải sửa án theo đơn kháng cáo của các bị cáo là phù hợp với các quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Đối với bị cáo B, ngày 02/10/2017 bị cáo Trầm Kiến B làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết nào mới nhưng với nhận định như trên thì Hội đồng xét xử xét thấy mức án 01 năm 06 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo B là tương đối nghiêm khắc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và sửa án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Đối với bị cáo N, ngày 25/9/2017 bị cáo Đỗ Chánh N làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, trên cơ sở quy định tại

Nghị quyết 01/2013 ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về chế định án treo thì bị cáo có đủ các điều kiện như Nghị quyết đã hướng dẫn bao gồm: Hình phạt áp dụng đối với bị cáo không quá 03 năm tù; Bị cáo không có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này không có vi phạm pháp luật nào khác; Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có tình tiết mới quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đó là: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ mới sinh con nhỏ ngày 26/10/2017, bản thân là lao động chính (có xác nhận của cấp có thẩm quyền), trường hợp này nếu cách ly bị cáo khỏi xã hội thì ảnh hưởng lớn đến đời sống gia đình bị cáo; vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù mà bản án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo N là đúng người, đúng tội, bản thân bị cáo từ khi bị khởi tố được tại ngoại bị cáo đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật thể hiện sự ăn năn hối cải, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đồng thời trên cơ sở các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, nhân thân và nơi cư trú rõ ràng của bị cáo thì Hội đồng xét xử có cơ sở để giữ nguyên hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng sửa án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo là cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe đối với bị cáo.

Đối với bị cáo P, ngày 27/9/2017 bị cáo làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo, với nhận định trên thì bị cáo P có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này không có vi phạm pháp luật nào khác; Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết mới. Hội đồng xét xử xét thấy mức án 07 (tháng) tù mà bản án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo N là đúng người, đúng tội, bản thân bị cáo từ khi bị khởi tố được tại ngoại bị cáo đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật, thể hiện sự ăn năn hối cải, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đồng thời trên cơ sở các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, nhân thân và nơi cư trú rõ ràng của bị cáo thì Hội đồng xét xử có cơ sở để giữ nguyên hình phạt 07 (bảy) tháng tù nhưng sửa án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo là cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe đối với bị cáo.

Lập luận trên đây cũng là căn cứ để không chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

Về án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 241; điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c, đ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trầm Kiến B, Đỗ Chánh N, Từ Thanh P và sửa bản án sơ thẩm.

- Tuyên bố các bị cáo **Trầm Kiến B, Đỗ Chánh N** phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Tuyên bố bị cáo **Từ Thanh P** phạm tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009),

Xử phạt bị cáo Trầm Kiến B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 45; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009),

Xử phạt bị cáo Đỗ Chánh N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 26/12/2017).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Đỗ Chánh N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 45; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009),

Xử phạt bị cáo Từ Thanh P 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 26/12/2017)

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Từ Thanh P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Đỗ Chánh N và bị cáo Từ Thanh P).

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Quận 6; (1)
- P.PC 53 – CA Tp.HCM; (1)
- Cục THADS Tp.HCM; (1)
- Chi cục THA Quận 6; (1)
- Bị cáo; (3)
- TAND Quận 6; (2)
- Công an Quận 6; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (22) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồng Sơn